

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024
HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 20 tháng 12 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Vũ Văn Hùng** Ngày tháng năm sinh: 30/09/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường THCS Tân Viên**
- Nơi thường trú: **Tân Viên – An Lão – Hải Phòng**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **03107901539** ngày cấp 03/07/2021 nơi cấp: **Cục cảnh sát**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Lan Anh**; Ngày tháng năm sinh: **02/11/1979**
- Nghề nghiệp: **Giáo viên**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Trường THCS Tân Viên**
- Nơi thường trú: **Tân Viên – An Lão – Hải Phòng**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **031179003332** ngày cấp **29.11.2019** nơi cấp: **cục cảnh sát**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Vũ Hồng Sơn** ; Ngày tháng năm sinh: **02/08/2005**
- Nơi thường trú: **Tân Viên – An Lão – Hải Phòng**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **031205003886** ngày cấp 31/07/2020; nơi cấp **cục cảnh sát**

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: **Vũ Tiến Đạt** Ngày tháng năm sinh: **18/05/2011**
- Nơi thường trú: **Tân Viên – An Lão – Hải Phòng**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

Mng

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tân Viên – An Lão – Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 396m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DR 084284, cấp ngày 21/11/2024, do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện An Lão cấp, cấp cho hai vợ chồng tôi

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất do bố để cho năm 2009 và năm 2024

1.1.2. Thừa thứ 2.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tân Viên – An Lão – Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 229 m².

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 60.000.000 đồng (năm 2013)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CH891341, cấp ngày 18/5/2017, do Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp, cấp cho hai vợ chồng tôi

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất tự mua năm 2013

1.1.3. Thừa thứ 3

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Cẩm Văn xã Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: **165 m²**.

- Giá trị⁽¹⁰⁾: **200.000.000** đồng (năm 2024)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: **DP 837418**, cấp ngày 29/07/2024, do Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp, cấp cho ông Lê Văn Cử và vợ là bà Vũ Thị Mùi

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất nhận chuyển nhượng năm 2024

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất: **Không có**

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: **Tân Viên – An Lão – Hải Phòng**
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: **Nhà ở riêng lẻ**
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: **96m²**
- Giá trị⁽¹⁰⁾: **Không xác định**
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất. **(không có)**

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: **Không có**

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: **Không có**

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: **Không có**

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có**

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. **Không có**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

Handwritten signature

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: **Không có**

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: **Không có**

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: **Không có**

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: **Không có**

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: **Ô tô** . Số đăng ký: **15A 63624** Giá trị: **834.000.000 đồng**

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: **Không có**

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: **Không có**

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: **Không có**

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

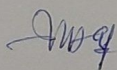
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: **359.081.000 đồng**

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **263.912.000 đồng**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **0đ**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **0**



III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

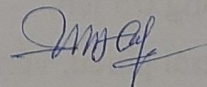
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở	+165 m ²	200 triệu Đồng	Tiền tích lũy và tiền lương, thưởng của hai vợ chồng
	+197m ²	295,5 triệu Đồng	Đất bố mẹ để cho năm 2024 đã làm thủ tục sát nhập với mảnh đất BH 321672 có diện tích 199m ²
1.2. Các loại đất khác	Không có		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác	Không có		
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không có		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Tiền mặt	150 triệu Đồng	Tiền tiết kiệm từ thu nhập của hai vợ chồng
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà	Không có		

Handwritten signature

tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.	Không có Không có	622.993.000 đồng	Thu nhập từ lương ,phụ cấp: 158.862.000 đồng Dạy thêm trong trường: 113.172.000 đồng Thu nhập tăng thêm: 87.047.000 đồng Thu nhập từ lương ,phụ cấp của vợ: 138.862.000 đồng Dạy thêm trong trường của vợ: 37.472.000 đồng Thu nhập tăng thêm: 87.578.000 đồng
--	---------------------------------	-------------------------	--

..... ngày....tháng.....năm....
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Tân Viên, ngày 20 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Vu Tan Hung



BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾

(Ngày 20 tháng 12 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Phạm Văn Hải**. Ngày tháng năm sinh: 10/07/1974
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Tân Viên.
- Nơi thường trú: Quyết Thắng Thị trấn An Lão HP
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031074012825, ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Thuý. Năm sinh: 1976.
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: BHXH huyện AL
- Nơi thường trú: Quyết Thắng Thị trấn An Lão HP
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031176009321, ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:
- Nơi thường trú:

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

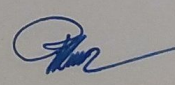
- Họ và tên:
- Nơi thường trú:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:



- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 6/94 Quyết Thắng - TT An Lão huyện An Lão thành phố Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 53,00 m².

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định (do mua đã lâu)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số X 863675 UBND huyện AL Cấp ngày 16/8/2004 cho Phạm Văn Hải

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đang sử dụng để ở

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Trong ngách ngõ 94 Quyết Thắng - TT An Lão huyện An Lão thành phố Hải Phòng

- Diện tích⁽⁹⁾: 53,00 m² (Bố mẹ cho tặng)

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số BN 821225 UBND huyện AL Cấp ngày 17/01/2014 cho Phạm Văn Hải và Nguyễn Thị Lệ Thúy

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: (Để trống).

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất vườn ao, Địa chỉ: Đội 5 thôn An Luận xã An Tiến huyện An Lão thành phố Hải Phòng

- Diện tích: 356,5 m² (Ông cha để lại cho)

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số HB 249864 UBND huyện An Lão. Cấp ngày 18/01/2012 cho Phạm Văn Hải

- Thông tin khác (nếu có): Thả cá

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không có.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 6/94, Quyết Thắng - TT An Lão huyện An Lão thành phố Hải Phòng.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 106m² (Xây năm 2008).

- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: nằm trên thửa đất Số X 863675 UBND huyện AL Cấp ngày 16/8/2004.

- Thông tin khác (nếu có): (Đang sử dụng để ở).

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất. Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. 700 triệu đồng

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:.....ô tô Kia..... Số đăng ký:.....045249..... Giá trị: 400 triệu (mua năm 2016)
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 440.945.846 đồng VN.....
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 290.000.000 đồng VN.....
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:Không có
- Tổng các khoản thu nhập chung:Không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

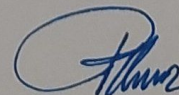
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	Không		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			

Thư

2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất	Không		
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.		+ 400 tr	Tiết kiệm từ thu nhập trong năm
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	Không		
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	Không		
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		+730.945.846	+ Người kê khai: 440.945.846(lương chính 207.552.967; HT, KNS, TANN 135.041.832; Thu nhập tăng thêm thường: 98.351.047 + Vợ: 290.000.000đ

..... ngày....tháng....năm....
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Tân Viên, ngày 20 tháng 12 năm.2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Hải